

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS-ST.
Ngày: 01 - 4 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Trần Thị Thanh Nhàn.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07B/2025/HSST-QĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức K, sinh năm: 1980 tại huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn ĐTh, xã TrĐ (nay là xã TS), huyện LTh, tỉnh VPh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Th, sinh năm: 1956; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984; Bị cáo có 03 con, lớn nhất - sinh năm: 2005, nhỏ nhất - sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2024 chuyển tạm giam đến ngày 22/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984 tại huyện LTh, tỉnh VPh; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn ĐTh, xã TrĐ (nay là xã TS), huyện LTh, tỉnh VPh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1962; Chồng: Nguyễn Đức K, sinh năm: 1980; Bị cáo có 03 con, lớn nhất - sinh năm: 2005, nhỏ nhất - sinh năm:

2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: số nhà 168 đường Lê Thanh Ngh, khu 4, thị trấn GiL, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: thôn ĐTh, xã TrĐ (nay là xã TS), huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00' ngày 02/12/2024, Nguyễn Đức K điều khiển xe Honda Wave màu đỏ, biển số: 88D1-538.26 cùng vợ là Nguyễn Thị M điều khiển xe Honda Wave màu đen, biển số: 29S2-091.71 (xe mượn của chị Nguyễn Thị Ph) đi từ nhà ở thôn ĐTh đến huyện VL, tỉnh HY để mua cây cảnh. Khi đi đến khu vực chợ ĐX, thành phố Hà Nội, K đi một mình vào một gian hàng mua bán điện thoại để mua 01 chiếc điện thoại di động màu xám, có kiểu dáng, đặc điểm bên ngoài gần giống điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 ProMax với giá 1.500.000 đồng rồi lắp sim số 0565.317.197 (sim do K mua từ trước). K đưa cho M cầm chiếc điện thoại này. Sau đó, K nảy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. K trao đổi với M, M cầm điện thoại kiểu dáng giống Iphone 15 ProMax tiếp cận người đi đường rồi đưa ra chiếc điện thoại này để giả là điện thoại do M vừa nhặt được, không biết sử dụng và nhờ tắt hộ. Khi người đi đường cầm điện thoại, K sẽ gọi điện thoại đến số 0565.317.197 được lắp trong điện thoại nhận là chủ sở hữu của điện thoại bị rơi mất, nhờ người đi đường ứng tiền ra trước để chuộc hộ từ người nhặt được (là M) và sẽ đến trả tiền để lấy lại điện thoại sau. Khi người đi đường đồng ý thì M sẽ giao điện thoại và nhận số tiền chuộc hộ từ người đi đường. Sau đó, cả hai sẽ chiếm đoạt số tiền này và không đến để lấy lại điện thoại như đã hứa hẹn. M đồng ý. Cả hai đi đến thị trấn GiL, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 16 giờ 00' cùng ngày, M điều khiển xe đi phía trước, K đi phía sau, đi đến khu vực vòng xuyên đầu thị trấn GiL thuộc thôn LX, xã GiPh, huyện GiL, M gặp bà Nguyễn Thị H đang đi từ Công ty Sơn Joton ra đường Quốc lộ 37. Lúc này, M dừng xe trước đầu xe của bà H còn K đi vào khu vực cây ATM của Ngân hàng Vietinbank - Phòng giao dịch GiL, cách vị trí M và bà H đứng khoảng hơn 100 mét để quan sát. M dựng xe đi bộ đến chỗ bà H và đưa ra chiếc điện thoại di động K đưa trước đó, nhờ bà H tắt nguồn và nói là điện thoại do M vừa nhặt được. K thấy bà H đã cầm điện thoại do M đưa thì sử dụng điện thoại nhãn hiệu Nokia, lắp sim số 0585.581.891 gọi đến số 0565.317.197 mà bà H đang cầm điện thoại. Khi bà H nghe máy thì K nói là chủ sở hữu của chiếc điện thoại đã làm rơi trước đó, muốn xin lại. Bà H bảo K đến ngã ba GiL để gặp M là người

nhặt được điện thoại để xin lại thì K nói bản thân đang ở HY, chưa đến được ngay và nhờ bà H ứng hộ tiền để chuộc lại chiếc điện thoại vì điện thoại có giá trị cao và sợ người nhặt được bỏ đi mất, bà H đồng ý giúp K ứng trước số tiền 5.000.000 đồng đưa cho M để giữ lại chiếc điện thoại. K hứa hẹn khi đến lấy điện thoại sẽ trả cho bà H số tiền này. Sau khi nói chuyện với K xong, bà H bảo chuyển khoản cho M số tiền 5.000.000 đồng nhưng M lấy lý do không có tài khoản ngân hàng và bảo bà H đi đến ngân hàng ở gần đó xem có ai rút tiền mặt thì chuyển khoản đổi lấy tiền mặt đưa cho M. Sau đó, M giục bà H cùng đi vào khu vực Ngân hàng Vietinbank thì gặp K đang đứng trong cây ATM giả vờ đang rút tiền. Bà H đi vào gặp K và nhờ đổi cho bà H 4.000.000 đồng tiền mặt. Bà H đã sử dụng ứng dụng Ngân hàng Vietinbank tài khoản số 102873568816 của bà H chuyển khoản đến tài khoản số 107882322902 tại Ngân hàng Vietinbank của K số tiền 4.000.000 đồng; K đưa cho bà H 4.000.000 đồng tiền mặt; Bà H lấy thêm 1.000.000 đồng tiền mặt cất trong người, tổng số tiền là 5.000.000 đồng đưa cho M. Sau khi nhận số tiền 5.000.000 đồng do bà H đưa, M điều khiển xe máy bỏ đi, còn chiếc điện thoại M đưa thì bà H quản lý. Sau đó, bà H dùng điện thoại chụp ảnh K để tạo sự tin tưởng, K sợ bị phát hiện nên định bỏ chạy. Thấy vậy, bà H nghi ngờ K và M lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên đã cùng người dân xung quanh giữ K lại và trình báo lực lượng Công an, K đã tự trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng mà bà H đã đưa cho M trước đó. Ngay sau đó, lực lượng Công an huyện GiL đã phối hợp với Công an xã Gia Ph tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đức K. Thu giữ người và tang vật gồm: 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 ProMax, màu xám, bên trong lắp sim số 0565.317.197; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ nhựa màu xanh, loại có bàn phím, bên trong lắp sim số 0585.541.891; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, BKS: 88D1 - 538.26; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 3.880.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, màu vàng, bên trong lắp sim số 0978.152.304, bà H tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 07/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL triệu tập Nguyễn Thị M lên làm việc. Quá trình làm việc, M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức K đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Số tiền trên là tài sản chung của Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M. Bà H không có yêu cầu gì khác.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL đã trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H; trả lại số tài sản gồm: 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 3.880.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, màu vàng, bên trong lắp sim số 0978.152.304 cho bị cáo Nguyễn Thị M.

Đối với chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 ProMax, màu xám, bên trong lắp sim số 0565.317.197; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Nokia, vỏ nhựa màu xanh, bên trong lắp sim số 0585.541.891; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, BKS: 88D1 - 538.26 được quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện GiL đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về vật chứng và về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung cáo trạng truy tố, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL truy tố các bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng mà ngày 02/01/2025, Cơ quan điều tra Công an huyện GiL đã trả lại cho bị cáo M để sung quỹ Nhà nước.

Bị hại bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đã khắc phục hậu quả và bà H đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GiL trả lại cho bà số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 10/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL truy tố bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M; áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức K; xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức K từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức K cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị M; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 07 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, Nguyễn Thị M bị khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, phát mại, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ nhựa màu xanh, loại có bàn phím và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 Promax, màu xám; tịch thu, tiêu hủy sim điện thoại số 0585.541.891; số 0565.317.197 và tịch thu số tiền trong các sim điện thoại (nếu có); trả lại bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 88D1- 538.26 (*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/02/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GiL và Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL*). Tịch thu, phát mại, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng mà ngày 02/01/2025, Cơ quan điều tra Công an huyện GiL đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M (*bị cáo K và M đã tự nguyện nộp tại phiên tòa*).

Về án phí: áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo K đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo M đề nghị cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện GiL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, đơn trình báo, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định: Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M là vợ chồng. Khoảng 16 giờ 00' ngày 02/12/2024, tại thôn LX, xã GiPh, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M đã có hành vi gian dối nói dối làm bà Nguyễn Thị H tin tưởng chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 ProMax, màu xám mà K mua trị giá 1,5 triệu đồng là điện thoại Iphone 15 ProMax có giá trị 30 triệu đồng là thật để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện GiL phối hợp với Công an xã GiPh phát hiện bắt quả tang.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi nói dối bà H về chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 ProMax, màu xám mà K mua trị giá 1,5 triệu đồng là điện thoại Iphone 15 ProMax có giá trị 30 triệu đồng để bà H tưởng là thật nên đưa cho M 5 triệu đồng để chuộc lại điện thoại nhằm chiếm đoạt của bà H số tiền 5 triệu đồng là vi phạm pháp luật nhưng với lòng tham và mục đích tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý, số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bà H trị giá 5.000.000 đồng, vì vậy, hành vi của các bị cáo cấu thành tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện GiL truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, gây dư luận xấu trong xã hội. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, mang tính cơ hội, các bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bà H để chiếm đoạt số tiền trên của bà H nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo K là người khởi xướng và chỉ đạo bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo M cùng bị cáo K có hành vi nói dối bà H để bà H tin tưởng chiếc điện thoại các bị cáo đưa cho bà là có giá trị thật để giao tiền cho các bị cáo. Vì vậy, bị cáo K có vai trò cao hơn bị cáo M. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

mình; bị hại là bà H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải bắt bị cáo K chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ Luật hình sự; không cần thiết phải cách ly bị cáo M khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật giúp các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Chị Nguyễn Thị Ph là chủ sở hữu của chiếc xe Honda Wave màu đen, BKS: 29S2-091.71 mà bị cáo Nguyễn Thị M mượn để sử dụng vào ngày 02/12/2024, chị Ph không biết M sử dụng vào việc phạm tội và cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe này của chị Ph nên không đặt ra xử lý.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị cáo Nguyễn Đức K đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Số tiền này là tài sản chung của Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M. Bà H không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H; trả lại số tài sản gồm: 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 3.880.000 đồng cho bị cáo M nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 ProMax, màu xám, bên trong lắp sim số 0565.317.197; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ nhựa màu xanh, bên trong lắp sim số 0585.541.891 là công cụ, phương tiện bị cáo K và M sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước; đối với sim điện thoại số 0565.317.197; số 0585.541.891 không còn giá trị sử dụng, không sử dụng được thì tịch thu, tiêu hủy và tịch thu số tiền trong các sim điện thoại (*nếu có*); đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, BKS: 88D1 - 538.26, bị cáo M sử dụng là phương tiện đi lại, là tài sản chung của bị cáo K và M, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng và sim điện thoại số 0978.152.304, ngày 02/01/2025, Cơ quan điều tra Công an huyện GiL đã trả lại bị cáo Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Nguyễn Đức K đã sử dụng điện thoại này để quét mã QR cho bà Nguyễn Thị H chuyển khoản tiền vào tài khoản của bị cáo, do đó, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội nhưng Cơ quan điều tra lại trả lại cho bị cáo M là không đúng, tại phiên tòa, bị cáo K và M đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại này cho Hội đồng xét xử nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại này; đối với sim điện thoại số 0978.152.304, bị cáo K và M đã làm rơi mất nên không đặt ra giải

quyết là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M; áp dụng: khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức K; áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị M; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; khoản 3 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức K 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức K cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh VPh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị M 07 (Bảy) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã TS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, Nguyễn Thị M bị khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: tịch thu, phát mại, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ nhựa màu xanh, loại có bàn phím và 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 15 Promax, màu xám; tịch thu, tiêu hủy sim điện thoại số 0585.541.891; số 0565.317.197 và tịch thu số tiền trong các sim điện thoại (nếu có); trả lại bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển kiểm soát 88D1- 538.26 (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/02/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GiL và Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL). Tịch thu, phát mại, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng mà ngày 02/01/2025, Cơ quan điều tra Công an huyện GiL đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M (bị cáo K và M đã tự nguyện nộp tại phiên tòa).

3. Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Đức K và Nguyễn Thị M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện GiL;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện GiL;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện GiL;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thúy Hạnh